

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS - ST
Ngày: 20 - 11- 2019
V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH ,TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Bình
2. Bà Hoàng Thị Kim Phượng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX- ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc C; sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 12, đường L, phố 3, phường V, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm: 1971 và **bà Đặng Thị H,** sinh năm: 1972; Cùng địa chỉ: Số nhà 42, ngõ 395, đường N, phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị L; sinh năm: 1955; Địa chỉ: Ngõ 51, đường Tr, phố B, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Ông Phạm Quốc T2; sinh năm: 1968; Địa chỉ: Số nhà 13, đường N, khu phố 5, phường Ph, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Th Hóa.

3. Ông Phạm Ngọc T1; sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số nhà 27, ngõ 77, đường N, phố Th, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

4. Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 385, đường N, phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

5. Anh Phạm Ngọc O; sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 385, đường N, phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

6. Chị Phạm Thị Thu U; sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 173, đường Ng, phố V, phường Th, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

7. Chị Phạm Thị Thùy A; sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn Ph, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên toà: Ông C, ông T, ông T1, ông T2, bà L (có mặt); bà H; bà Th, anh O, chị U, chị A (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phạm Ngọc C là trình bày: Bố ông là ông Phạm Ngọc Q (mất ngày 22/3/2009), mẹ ông là bà Đoàn Thị D (mất ngày 25/4/2012). Bố mẹ ông sinh được 6 người con đẻ gồm: Bà Phạm Thị L, ông Phạm Ngọc Th (mất ngày 27/6/2010), ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Ngọc T1, Ông Phạm Quốc T2, Ông Phạm Ngọc T, không có con nuôi.

Khi còn sống, bố mẹ ông có tạo dựng được khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 mang tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D. Hiện nay, O bộ tài sản của bố mẹ để lại là nhà đất do vợ chồng ông Phạm Ngọc T và vợ là Đặng Thị H đang quản lý và sử dụng, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do ông quản lý theo sự thống nhất của anh chị em trong nhà. Khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc, chưa phân chia tài sản thừa kế cho ai. Nay anh em ông muốn phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại cho các anh chị em trong gia đình nhưng không thống nhất được cách phân chia. Do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của bố mẹ để lại gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 mang tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D theo quy định của pháp luật và chia làm 6 phần, vì diện tích đất chật hẹp nên phần của ông xin được nhận giá trị bằng hiện vật (là tiền), ngoài ra ông không đề nghị Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn vợ chồng ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H trình bày: Bố ông là ông Phạm Ngọc Q mất 2009, mẹ là bà Đoàn Thị D mất năm 2012. Bố mẹ ông sinh được 6 người con đẻ, không có con nuôi, các con gồm: Phạm Thị L,

Phạm Ngọc Th (mất năm 2010); Phạm Ngọc C; Phạm Ngọc T1; Phạm Quốc T2; Phạm Ngọc T. Khi còn sống, bố mẹ ông có tạo dựng được khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D. Khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc và cũng chưa phân chia cho ai. Hiện nay toàn bộ tài sản nhà đất của bố mẹ để lại do vợ chồng ông đang quản lý và sử dụng và làm nơi thờ cúng bố mẹ. Sau khi bố mẹ chết anh em trong gia đình có họp để bàn bạc thống nhất phân chia, nhưng không thống nhất được. Nay ông C có đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ để lại. Quan điểm của vợ chồng ông là nhà đất trên để làm nơi thờ cúng bố mẹ, còn nếu không đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật, chia phần đất trên làm 6 phần, phần của ai được hưởng thì tự người đó sử dụng, ông không tranh giành phần đất của ai, phần của ông, ông xin được nhận nhà đất để ở và thờ cúng bố mẹ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Phạm Ngọc T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông xác nhận mối quan hệ bố mẹ, anh chị em trong gia đình, thời gian bố mẹ chết như nguyên đơn trình bày là đúng. Khi còn sống bố mẹ ông có tạo dựng được khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại phố V, phường B, thành phố Ninh Bình. Hiện nay toàn bộ tài sản nhà đất do vợ chồng ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H đang quản lý và sử dụng, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông C đang quản lý theo sự thống nhất của các anh em trong gia đình. Khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc và chưa chia cho ai. Anh chị em ông muốn phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại cho các anh chị em trong gia đình, nhưng không thống nhất được cách chia. Nay ông C có đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ, quan điểm của ông đề nghị Tòa án phân chia theo quy định pháp luật. Phần của ông xin được nhận bằng giá trị hiện vật là tiền.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Phạm Quốc T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông xác nhận mối quan hệ bố mẹ, anh chị em trong gia đình, thời gian bố mẹ chết như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng. Khi còn sống bố mẹ ông có tạo dựng được khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại phố V, phường B, thành phố Ninh Bình. Hiện nay, toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại do vợ chồng ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H đang quản lý và sử dụng. Khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc và chưa phân chia cho ai. Anh chị em ông không thống nhất được cách phân chia. Nay quan điểm của ông đề nghị Tòa án phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ ông để lại gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, theo quy định pháp luật. Phần của ông xin được nhận giá trị bằng hiện vật. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông tự nguyện nhượng kỷ phần của ông được hưởng cho ông Phạm Ngọc T.

Tại biên bản làm việc, đơn đề nghị, biên bản hòa giải bà Phạm Thị L trình bày: Bố là Phạm Ngọc Q mất 2009, mẹ là Đoàn Thị D mất năm 2012. Bố mẹ bà sinh được 6 người con đẻ, trong đó 5 người con trai, bà là con gái. Bố mẹ bà không có con nuôi. Khi còn sống, bố mẹ bà có tạo dựng được khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại phố V, phường B, thành phố Ninh Bình. Khi chết bố mẹ bà không để lại di chúc và cũng chưa chia cho ai. Khi còn sống bố mẹ bà có nói chia nhà đất đều cho 6 người con, nhưng không có văn bản giấy tờ gì. Nay ông C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ để lại. Quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật, bà đề nghị chia diện tích đất làm 6 phần cho 6 anh chị em. Phần của bà xin nhận phần đất, bà cũng không nhận giá trị bằng hiện vật, bà cũng không bán và cũng không cho ai mà bà sẽ góp vào phần của ông T để làm nơi thờ cúng cho bố mẹ. Tại phiên tòa hôm nay bà tự nguyện nhượng kỷ phần của bà được hưởng cho ông Phạm Ngọc T.

Tại biên bản làm việc, đơn đề nghị bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bố mẹ chồng bà là ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D, ông bà sinh được 6 người con. Bà là vợ ông Phạm Ngọc Th là con trai cả (ông Th mất năm 2010). Khi chết bố mẹ chồng bà không để lại di chúc, có để lại khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 79,6m² tại phố V, phường B, thành phố Ninh Bình. Hiện nay, toàn bộ tài sản nhà đất trên do vợ chồng ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H đang quản lý sử dụng. Sau khi các cụ mất thì anh em trong gia đình có họp để bàn bạc thống nhất phân chia, nhưng không thống nhất được. Nay ông C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ để lại. Bà là con dâu trong gia đình, (vợ ông Th đã mất) quan điểm của bà và các con không muốn tham gia vào việc khởi kiện này, chỉ mong muốn anh em hòa thuận thống nhất để ngôi nhà đất đó làm nơi thờ cúng tổ tiên ông bà bố mẹ, nếu không thống nhất được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà và các con của bà xin được vắng mặt, đề nghị Tòa không báo gọi bà và các con của bà lên Tòa làm việc. Đề nghị Tòa án xét xử đúng quy định của pháp luật.

Anh Phạm Ngọc O, chị Phạm Thị Thu U, chị Phạm Thị Thùy A có ý kiến: Các anh, chị là con của ông Phạm Ngọc Th (đã mất năm 2010) và bà Nguyễn Thị Th, là cháu nội của ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D. Nay ông C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông bà nội để lại. Việc phân chia thừa kế tài sản của ông bà chỉ liên quan đến các con trai, con gái của ông bà. Bản thân các anh chị là cháu không liên quan đến việc tranh chấp đất đai thừa kế trên, không ý kiến tham gia vụ việc khởi kiện này. Đề nghị Tòa án không báo gọi các anh, chị lên Tòa làm việc, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống công việc gia đình của các anh chị.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án chia thừa kế tài sản do bố mẹ ông để lại theo quy định của pháp luật. Kỷ phần của ông, ông xin được nhận giá trị bằng tiền.

Tại phiên tòa bị đơn ông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án chia thừa kế theo quy định của pháp luật, phần của ông xin được nhận nhà đất để ở, làm nơi thờ cúng bố mẹ.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án giải quyết vụ án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông T1 xin được nhận kỷ phần của mình bằng tiền; Ông T2, bà L: kỷ phần của mình được hưởng xin nhượng lại cho ông T. Bà L và ông T2 không yêu cầu ông T phải thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà H, bà Th, anh O, chị U, chị A có đơn xin vắng mặt.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 611, Điều 613, Điều 615, Điều 616, Điều 617, Điều 618, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc C đối với yêu cầu “Chia di sản thừa kế”.

- Giao cho ông Phạm Ngọc T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 mang tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D có vị trí kích thước như sau: Phía Đông giáp đường phố kích thước 5m; Phía Tây giáp cống rãnh kích thước 5m; Phía Nam giáp thửa đất 192 kích thước 15,7m; Phía Bắc giáp thửa 190 kích thước 15,5m. Ông Phạm Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác gồm ông Phạm Ngọc C số tiền là 116.666.000đồng, ông Phạm Ngọc T1 số tiền là 116.666.000đồng, bà Nguyễn Thị Th và các con bà Th là anh O, chị U, chị A số tiền là 116.666.000đồng.

Ông Phạm Ngọc C có trách nhiệm bàn giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 mang tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D cho ông Phạm Ngọc T quản lý và sử dụng.

Ông Phạm Ngọc T không phải thanh toán kỹ phần tài sản thừa kế cho ông Phạm Quốc T2 và bà Phạm Thị L. Ông T2, bà L nhượng kỹ phần của mình cho ông Phạm Ngọc T.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: Ông Phạm Ngọc C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị L theo quy định của pháp luật; Ông Phạm Ngọc C; ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H; ông Phạm Ngọc T1; bà Nguyễn Thị Th và các con bà Th anh O, chị U, chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Phạm Ngọc C khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại gồm 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật, nên là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 20/11/2019, nguyên đơn ông C, bị đơn ông T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L, ông T1, ông T2 có mặt; bị đơn bà H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Th và anh O, chị U, chị A vắng mặt có lý do, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về thời hiệu thừa kế: Ông Phạm Ngọc Q chết ngày 22/3/2009, bà Đoàn Thị D chết ngày 25/4/2012. Khi chết ông Q, bà D để lại di sản gồm 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 79,6m², tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ phố V, phường B, thành phố Ninh Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế...*” Ngày 04/6/2019 ông Phạm Ngọc C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D, như vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

- Về di sản thừa kế: Theo lời khai của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì: Ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D có tạo dựng được khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 ghi tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D. Ông Q và bà D chết không để lại di chúc, khối tài sản chưa phân chia cho ai, hiện nay vợ chồng ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H đang quản lý sử dụng.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì di sản của ông Q bà D để lại có diện tích đất là 79,6m², phần di sản này nếu chia đều cho 6 đồng thừa kế thì mỗi người được hưởng phần diện tích là 13,2m², diện tích này là quá nhỏ không đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cũng như không đảm bảo đủ diện tích để cấp giấy CNQSD đất theo quyết định số 24/2014/ QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình. Do đó phần diện tích đất và tài sản trên đất không thể chia bằng hiện vật.

Căn cứ kết quả định giá tài sản ngày 16/10/2019 trị giá đất là 716.400.000đ; tài sản nhà và công trình xây dựng trên đất là 30.996.000đồng. Tổng giá trị tài sản nhà và đất là: 747.396.000đồng (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Về hàng thừa kế và kỷ phần: Ông Q và bà D có 6 người con đẻ, không có con nuôi, gồm: Bà Phạm Thị L; ông Phạm Ngọc C; ông Phạm Ngọc T1; ông Phạm Quốc T2; ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Th (trong đó ông Th chết năm 2010 có vợ là bà Nguyễn Thị Th và 3 người con là anh Phạm Ngọc O, chị Phạm Thị Thu U, chị Phạm Thị Thùy A). Theo quy định tại Điều 613, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người được hưởng thừa kế theo pháp luật hiện còn sống tại thời điểm mở thừa kế của ông Q bà D thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông C, bà L, ông T1, ông T2, ông T; ông Th (do ông Th đã chết nên vợ ông Th là bà Nguyễn Thị Th và các con của ông Th là anh O, chị U, chị A) được hưởng thừa kế phần di sản mà ông Th được hưởng thừa kế nếu còn sống.

Do ông Q và bà D chết không để lại di chúc, nên di sản thừa kế của ông Q và bà D được chia theo pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 và được chia làm 6 kỷ phần gồm: ông C; ông T1; ông T2; bà L; ông T; ông Th (ông Th chết thì bà Th là vợ và các con ông Th được hưởng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ tài sản là nhà và đất của ông Q bà D để lại, từ trước đến nay vợ chồng ông Phạm Ngọc T vẫn đang quản lý sử dụng, sau khi ông Q bà D chết, ông T vẫn đang thờ cúng bố mẹ và làm nơi các anh chị em đi về ngày giỗ tết. Ông C, ông T1, ông T2, bà L, bà Th đều đã có chỗ ở ổn định nơi khác và không có

nhu cầu sử dụng, do vậy khi chia thừa kế để tạo điều kiện cho ông T có chỗ ở, cũng là nguyện vọng của ông T, nên chia cho ông T được sở hữu, sử dụng phần di sản mà ông Q bà D để lại, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế khác khoản tiền tương ứng với di sản thừa kế mà họ được hưởng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự.

- Về công sức đóng góp duy trì, bảo quản tài sản và chăm sóc người để lại di sản: Khi ông Q, bà D còn sống các con đều có công chăm sóc bố mẹ. Ông Q bà D khi chết không để lại nghĩa vụ tài sản gì. Quá trình ở vợ chồng ông T không có xây dựng đóng góp sửa sang gì vào di sản thừa kế, nhưng có công sức trông coi bảo quản, duy trì tài sản, nên khi chia thừa kế chia thêm cho ông T một phần di sản thừa kế. Tổng trị giá tài sản thừa kế là **747.396.000đồng**, trích một phần cho vợ chồng ông T bà H công trông coi, bảo quản, duy trì tài sản trị giá là 47.396.000đồng, số tài sản còn lại là 700.000.000đồng chia đều cho 6 đồng thừa kế mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tài sản trị giá là **116.666.000đồng**.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị L, ông Phạm Quốc T2 đều từ chối không nhận phần thừa kế tài sản của mình được hưởng mà để nhượng lại kỷ phần của mình được hưởng cho ông Phạm Ngọc T. Do vậy việc các đương sự tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế tài sản của mình để lại cho ông T là phù hợp với Điều 620 Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

- Chia ông Phạm Ngọc T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 ghi tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D. Có vị trí kích thước như sau: Phía Đông giáp đường phố kích thước 5m; Phía Tây giáp cổng rãnh kích thước 5m; Phía Nam giáp thửa đất 192 kích thước 15,7m; Phía Bắc giáp thửa đất 190 kích thước 15,5m. Và có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho ông Phạm Ngọc C số tiền là 116.666.000đ; ông Phạm Ngọc T1 số tiền là 116.666.000đ; bà Nguyễn Thị Th và các con anh Phạm Ngọc O, chị Phạm Thị Thu U, chị Phạm Thị Thùy A số tiền là 116.666.000đồng và không phải thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho bà Phạm Thị L, ông Phạm Quốc T2.

- Chia cho ông Phạm Ngọc C nhận tài sản thừa kế là 116.666.000đồng.

- Chia cho ông Phạm Ngọc T1 nhận tài sản thừa kế là 116.666.000đồng.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Th và anh O, chị U, chị A được nhận tài sản thừa kế là 116.666.000đồng (Bà Th được nhận là 29.166.000đồng; anh Phạm Ngọc O được nhận là 29.166.000đồng; chị Phạm Thị Thu U được nhận là 29.166.000đồng; chị Phạm Thị Thùy A được nhận là 29.166.000đồng).

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Ông Phạm Ngọc C đã nộp số tiền là 3.700.000đồng. Ông C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải hoàn trả. Do vậy hội đồng xét xử chấp nhận tự nguyện của ông C.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông C, ông T1, bà Th, anh O, chị U, chị A phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng; Ông T và bà H phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản của ông bà và của ông T2 mà ông bà được hưởng; Bà Phạm Thị L là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nên bà L được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật;

Ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H phải nộp án phí dân sự số tiền là: $280.728.000đ \times 5\% = 14.036.000đ$ (làm tròn).

Ông Phạm Ngọc C phải nộp án phí dân sự số tiền là: $116.666.000đ \times 5\% = 5.833.000đ$ (làm tròn).

Ông Phạm Ngọc T1 phải nộp án phí dân sự số tiền là: $116.666.000đ \times 5\% = 5.833.000đ$ (làm tròn).

Bà Nguyễn Thị Th và các con anh O, chị U, chị A phải nộp án phí dân sự số tiền là: $116.666.000đ \times 5\% = 5.833.000đ$ (làm tròn). (Mỗi người phải nộp số tiền là 1.458.000đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609; Điều 611; Điều 613; Điều 615; Điều 620; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Ngọc C về yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 ghi tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D cho 6 đồng thừa kế theo pháp luật gồm: ông Phạm Ngọc C; ông Phạm Ngọc T1; ông Phạm Quốc T2; bà Phạm Thị L; bà Nguyễn Thị Th và các con bà Th anh O, chị U, chị A.

2. Chia ông Phạm Ngọc T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 79,6m² tại thửa số 191, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: phố V, phường B, thành phố Ninh Bình, đất đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 ghi tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D. Có vị trí kích thước, sơ đồ hiện trạng kèm theo như sau:

Phía Đông giáp đường phố kích thước 5m.

Phía Tây giáp công rãnh kích thước 5m;

Phía Nam giáp thửa đất 192 kích thước 15,7m;

Phía Bắc giáp thửa đất 190 kích thước 15,5m.

Tổng trị giá tài sản ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H được hưởng thừa kế (cả phần của ông T2 bà L) là: 397.394.000đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi tư nghìn đồng) và có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho ông Phạm Ngọc C số tiền là 116.666.000đồng; ông Phạm Ngọc T1 số tiền là 116.666.000đồng; bà Nguyễn Thị Th và anh Phạm Ngọc O, chị Phạm Thị Thu U, chị Phạm Thị Thùy A số tiền là 116.666.000đồng.

- Chia cho ông Phạm Ngọc C nhận tài sản thừa kế từ ông T, bà H số tiền là 116.666.000đồng.

- Chia cho ông Phạm Ngọc T1 nhận tài sản thừa kế từ ông T, bà H số tiền là 116.666.000đồng.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Th và anh Phạm Ngọc O, chị Phạm Thị Thu U, chị Phạm Thị Thùy A nhận tài sản thừa kế từ ông T bà H số tiền là 116.666.000đồng. (Bà Th được nhận là 29.166.000đồng; anh O được nhận là 29.166.000đồng; chị U được nhận là 29.166.000đồng; chị A được nhận là 29.166.000đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị L, ông Phạm Quốc T2 nhượng toàn bộ kỹ phần thừa kế tài sản của mình được hưởng cho ông Phạm Ngọc T sử dụng.

Ông Phạm Ngọc C có trách nhiệm giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y628865 ngày 19/8/2004 đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình)

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Đoàn Thị D cho ông Phạm Ngọc T.

Ông Phạm Ngọc T có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật; Ông C, ông T1, ông T và bà H; bà Th và anh O, chị U, chị A phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng.

- Ông Phạm Ngọc C phải nộp án phí dân sự số tiền là 5.833.000đồng; Được trừ vào số tiền 3.300.000đồng (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0001156 ngày 13/6/2019; Ông C còn phải nộp số tiền là 2.533.000đồng (Hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Ông Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị H phải nộp án phí dân sự số tiền là: 14.036.000đồng (Mười bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- Ông Phạm Ngọc T1 phải nộp án phí dân sự số tiền là: 5.833.000đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Th và anh O, chị U, chị A phải nộp án phí dân sự số tiền là 5.833.000đồng . (Trong đó mỗi người phải nộp là 1.458.000đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng)).

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20 tháng 11 năm 2019; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án DS, TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Thị Sâm